

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 233/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị A; nơi cư trú: Thôn Hạ Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Võ Bá B; ĐKKHKT: Thôn Hạ Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số 1/13 Trung Sơn, thôn Phúc Lạc, xã Dân Hùng, huyện Gia Nghĩa, Đà Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là Chị Phan Thị A trình bày:

Chị Phan Thị A và Anh Võ Bá B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải

Phòng vào ngày 17/10/2005. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và có hai con chung. Đến năm 2015, Anh B đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng vẫn giữ liên lạc bình thường. Từ đó đến nay, Anh B có về nước 03 lần vào những năm 2016, 2018 và lần gần nhất là tháng 06 năm 2022. Tuy nhiên trong lần về nước gần nhất, Chị A phát hiện ra Anh B đã chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác bên đó nhiều năm, khiến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Anh B đã nhiều lần dùng những lời lẽ xúc phạm Chị A dẫn đến việc ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự và nhân phẩm của bản thân Chị A cũng như tâm lý của các con. Nhận thấy việc vợ chồng chung sống cùng nhau mà không còn tôn trọng, không tin tưởng và luôn tạo áp lực tiêu cực cho nhau trong cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến các con, Chị A đã từng nộp đơn xin ly hôn với Anh B vào ngày 21/6/2022. Sau đó được Tòa án hòa giải, Chị A đã rút đơn. Tuy nhiên, mâu thuẫn về tình cảm giữa hai vợ chồng không thể cải thiện, anh chị thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhiều hơn, không có tiếng nói chung. Đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên Chị A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Võ Bá B.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Võ Hoàng Anh, sinh ngày 25/9/2006 và Võ Ngọc Anh, sinh ngày 12/3/2012. Ly hôn, Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn Anh Võ Bá B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu Anh Võ Bá B cung cấp quan điểm về việc Chị A xin ly hôn với Anh B cho Tòa án để có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 20/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 377/BTP-PLQT ngày 13/3/2023 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp đối với Anh Võ Bá B. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp cho Anh Võ Bá B do Anh Võ Bá B từ chối nhận hồ sơ. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo về thời gian giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Đài Loan và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Phan Thị A và Anh Võ Bá B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 17/10/2005 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị A được ly hôn Anh Võ Bá B. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Võ Hoàng Anh, sinh ngày 25/9/2006 và cháu Võ Ngọc Anh, sinh ngày 12/3/2012 cho Chị Phan Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị A không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phan Thị A không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn Anh Võ Bá B hiện đang sinh sống tại Đài Loan, nguyên đơn Chị Phan Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Chị Phan Thị A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Anh Võ Bá B vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt Chị Phan Thị A và Anh Võ Bá B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị A tự nguyện kết hôn với Anh Võ Bá B và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 17/10/2005. Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị A trình bày nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do Chị A phát hiện Anh B chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác ở Đài Loan. Chị A đã từng nộp đơn xin ly hôn với Anh B và được Tòa án hòa giải để anh chị quay lại đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi đoàn tụ, mâu thuẫn về tình cảm giữa hai vợ chồng không thể cải thiện, anh chị thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã nhiều hơn, không có tiếng nói

chung. Chị A quyết định tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với Anh B tại Tòa án vì vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm và không còn tôn trọng nhau nữa cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, Chị A không thể chung sống với Anh B dù đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ. Về phía Anh Võ Bá B, cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho Anh Võ Bá B nhưng Anh Võ Bá B không hợp tác, từ chối nhận hồ sơ và không cung cấp quan điểm về việc Chị A yêu cầu xin ly hôn với Anh B cho Tòa án. Điều đó cho thấy Anh B dù biết Chị A có đơn xin ly hôn với Anh B nhưng Anh B không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ và không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, bỏ mặc cuộc hôn nhân của chính mình. Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, nay Chị A khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với Anh B, anh chị mỗi người ở một nơi, đời sống hôn nhân không tồn tại nên cần căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phan Thị A đối với Anh Võ Bá B.

[4] Về con chung: Hiện hai con chung của Chị A và Anh B là cháu Võ Hoàng Anh, sinh ngày 25/9/2006 và cháu Võ Ngọc Anh, sinh ngày 12/3/2012 đang ở cùng Chị A và được Chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy Anh B đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, không có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung bằng Chị A. Mặt khác, hai cháu Võ Hoàng Anh và Võ Ngọc Anh có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với Chị A trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn. Nhận thấy việc giao hai con chung cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị A. Về việc cấp dưỡng nuôi con, Chị Phan Thị A không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận sự tự nguyện của Chị A về việc tạm thời không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Phan Thị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp: Chị Phan Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phan Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị A được ly hôn Anh Võ Bá B.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Võ Hoàng Anh, sinh ngày 25/9/2006 và cháu Võ Ngọc Anh, sinh ngày 12/3/2012 cho Chị Phan Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Phan Thị A về việc tạm thời không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị A không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp:

Chị Phan Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000809 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phan Thị A phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000810 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Chị Phan Thị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Võ Bá B quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (*một*) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Bát Trang, huyện An Lão, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.6

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Minh Nguyệt - Phạm Mạnh Hùng

Phạm Văn Phích